

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2022/DS-ST**

Ngày: 27 - 01 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Việt.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Ông Hứa Văn Khương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông L. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông T. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông L trình bày:* Vào ngày 23/10/2020, ông T có vay mượn của ông L số tiền 70.000.000đồng để làm vốn kinh doanh, có làm giấy tay (Giấy mượn tiền), thỏa thuận không có tính lãi và 03 tháng sau sẽ trả lại. Sau thời gian quá lâu ông L không thấy ông T trả lại số tiền này, ông L mới nhắc đòi tiền thì ông T cứ hứa lần hứa lựa hoài, đến nay ông T vẫn chưa trả lại tiền cho ông L. Tổ hòa giải ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng có tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả cho ông L số tiền vay mượn là 70.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Do ông T đã nợ số tiền này đã quá lâu nên ông L yêu cầu ông T trả số tiền

này trong 03 lần, mỗi lần cách nhau 01 tháng với mức lần thứ nhất 20.000.000đồng, lần thứ hai 30.000.000đồng, lần thứ ba 20.000.000đồng, không đồng ý cho ông T được trả dần. Trường hợp hai bên không thỏa thuận được thì đề nghị Tòa án sớm đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Do hiện nay tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến hết sức phức tạp, nên ông L đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm và trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Mọi vấn đề có liên quan ông L vẫn giữ nguyên theo lời trình bày có trong hồ sơ vụ án. Ông L cam kết không khiếu nại gì về sau.

*\* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông T trình bày:* Ông T thừa nhận có nợ của ông L số tiền vay mượn là 70.000.000đồng như lời trình bày của ông L trong đơn khởi kiện là đúng.

Ông T cũng đồng ý trả cho ông L số tiền này, nhưng do hiện nay hoàn cảnh kinh tế của ông T gặp nhiều khó khăn nên ông T xin được trả dần với mức 2.000.000đồng mỗi tháng cho đến khi dứt nợ, việc ông L yêu cầu ông T trả số tiền 70.000.000đồng trong 03 lần, mỗi lần cách nhau 01 tháng với mức lần thứ nhất 20.000.000đồng, lần thứ hai 30.000.000đồng, lần thứ ba 20.000.000đồng thì ông T không đồng ý do ông T không có khả năng trả theo mức mà ông L yêu cầu. Trường hợp hai bên không thỏa thuận được thì đề nghị Tòa án sớm đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Do hiện nay tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến hết sức phức tạp, nên ông T đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm và trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Mọi vấn đề có liên quan ông T vẫn giữ nguyên theo lời trình bày có trong hồ sơ vụ án. Ông T cam kết không khiếu nại gì về sau.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt thì ông L vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả cho ông L số tiền vay mượn còn nợ là 70.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quá trình giải quyết vụ án TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng không có tiến hành thu thập chứng cứ và vụ án không thuộc các trường hợp khác theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[3] Bị đơn ông T có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền

theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông L và bị đơn ông T vắng mặt nhưng đều có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[5] Về tiền nợ gốc: Quá trình giải quyết vụ án, ông L và ông T thống nhất thừa nhận vào ngày 23/10/2020 ông T có vay mượn số tiền 70.000.000đồng của ông L để làm vốn kinh doanh, có làm giấy tay (Giấy mượn tiền), thỏa thuận không có tính lãi và 03 tháng sau sẽ trả lại, hiện nay ông T còn nợ ông L số tiền này và ông T cũng đồng ý trả cho ông L toàn bộ số tiền này. Sự thừa nhận này của ông L và ông T là tình tiết, sự kiện mà các bên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định việc ông T có vay mượn số tiền 70.000.000đồng của ông L là sự thật, cho đến nay ông T chưa trả số tiền nợ này cho ông L là vi phạm thỏa thuận về vay tài sản đã được xác lập giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, việc ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả cho ông L số tiền vay mượn còn nợ này là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án, ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc tính lãi đối với số tiền nợ gốc 70.000.000đồng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về vấn đề tiền lãi.

[7] Về việc ông L yêu cầu ông T trả số tiền vay mượn còn nợ cho ông L trong 03 lần, mỗi lần cách nhau 01 tháng với mức lần thứ nhất 20.000.000đồng, lần thứ hai 30.000.000đồng, lần thứ ba 20.000.000đồng cũng như việc ông T yêu cầu được trả dần số tiền vay mượn còn nợ cho ông L với mức 2.000.000đồng mỗi tháng cho đến khi dứt nợ thì Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, vì việc trả số tiền vay mượn còn nợ này theo phương thức nào (một lần, nhiều lần hay hàng tháng) là thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án, các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau tại giai đoạn thi hành án.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc ông T phải có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền vay mượn còn nợ là 70.000.000đồng.

[9] Về án phí sơ thẩm: Ông L không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp; ông T phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng số tiền phải trả cho ông L là  $70.000.000\text{đồng} \times 5\% = 3.500.000\text{đồng}$  theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L về việc yêu cầu ông T trả số tiền vay mượn.

Buộc ông T phải có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền vay mượn còn nợ là 70.000.000đồng (*Bảy mươi triệu đồng*). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông L đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Ông L không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông L đã nộp là 1.750.000đồng (*Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001529, ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông T phải chịu án phí sơ thẩm là 3.500.000đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (02);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

**Nguyễn Quốc Việt**